

Bản án số: 21/2019/DS – ST
Ngày: 31-7-2019
V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Đề

2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *NguY đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Địa chỉ: đường M, Phường A, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T. Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thẻ Ngân hàng S. (Theo văn bản ủy quyền số 2615A/2018/GUQ-PL ngày 17/8/2018 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Duy Y. Chức vụ: Nhân viên. (Theo Giấy ủy quyền số 1718/2018/UQ-TTT ngày 20/12/2018). (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1979; Địa chỉ: đường L, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Duy Y trình bày:

Ngày 22/6/2007, bà Nguyễn Thị Ánh T ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng để đề nghị Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cấp thẻ tín dụng tín chấp với hạn mức vay 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng); lãi suất cho vay áp dụng theo Quyết định về lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng cá nhân theo từng thời điểm cụ thể, đối với bà T lãi suất 2,05%/tháng trong thời hạn từ ngày 22/6/2007 đến 06/7/2011 và 2,15%/tháng trong thời hạn từ ngày 06/7/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm, thời hạn thanh toán là 90 ngày kể từ ngày sử dụng thẻ giao dịch.

Lãi suất và phương thức tính lãi: lãi được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của Chủ thẻ và được tính theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn: Sau 90 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán đầu tiên mà khách hàng không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên sao kê kỳ gần nhất, thì toàn bộ dư nợ của khách hàng sẽ bị tính lãi quá hạn.

Sau khi xem xét hồ sơ của bà T, Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức sử dụng thẻ là 80.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện nhiều lần giao dịch với số tiền 2.824.402.089 đồng và từ ngày kích hoạt, bà T đã nhiều lần thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.770.819.349 đồng. Từ ngày 05/02/2011, bà T vi phạm hợp đồng, không thực hiện đúng thỏa thuận dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền tính đến ngày 31/7/2019 là 328.772.000 đồng. Trong đó nợ gốc 81.023.143 đồng, lãi quá hạn 247.748.857 đồng. Đồng thời yêu cầu bà T tiếp tục trả lãi được tính theo mức lãi suất phát sinh kể từ sau ngày tuyên án theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T đã được Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng bà không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình và không có mặt theo thông báo, quyết định của Tòa án.

Tại phiên Tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của nguyên đơn.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: đại diện theo ủy quyền của nguY đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn.

Về án phí: đề nghị bị đơn chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà Nguyễn Thị Ánh T về Hợp đồng tín dụng vay tiêu dùng nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường L, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Kết quả xác minh ngày 28/5/2019 và 09/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa cho thấy bà T đã không còn sinh sống tại địa chỉ trên và hiện nay không biết bà đang ở đâu.

Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự: “Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú được ghi trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới thì được xem là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung”. Vì vậy, đối với trường hợp này, được xem như bà T cố tình giấu địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng được xác định tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú.

Bà Nguyễn Thị Ánh T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các quyết định tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Nguyễn Thị Ánh T phải thanh toán số nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ) đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Qua đó, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ cho bà T với hạn mức 80.000.000 đồng; lãi suất 2,05%/tháng trong thời hạn từ ngày 22/6/2007 đến 06/7/2011 và 2,15%/tháng trong thời hạn từ ngày 06/7/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm, thời hạn thanh toán là 90 ngày kể từ ngày sử dụng thẻ giao dịch; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Việc ký kết hợp đồng giữa Ngân hàng với bà T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng theo điều 2 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán số nợ tính đến ngày 31/7/2019 là 328.772.000 đồng (trong đó nợ gốc 81.023.143 đồng, lãi quá hạn 247.748.857 đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu trả lãi phát sinh: xét tại Điều 6 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 22/6/2007, các bên có thỏa thuận “.. Nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số dư nợ cuối kỳ, Ngân hàng sẽ tính lãi kể từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ của Ngân hàng đến ngày chủ thẻ trả nợ, các giao dịch còn lại chưa thanh toán sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi được thanh toán và sẽ được thể hiện trên TBGD tiếp theo”; do đó cần áp dụng án lệ số 08/2016/AL buộc bà T tiếp tục trả lãi như sau: kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và mức lãi cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39, điều 227, điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Nguyễn Thị Ánh T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ánh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 31/7/2019 là 328.772.000đ (Ba trăm hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng), trong đó nợ gốc 81.023.143 đồng, lãi quá hạn 247.748.857 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh T phải nộp 16.439.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 7.630.000đ (Bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2017/0009746 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm . Đối với người vắng mặt thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THA DS thành phố Bà Rịa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung